

Bản án số: 40/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 17-5-2023

*V/v: Không công nhận quan hệ
và tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hương

Ông Hoàng Văn Khiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa:
Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 350/2022/TLST-HNGĐ ngày 22-12-2022 về việc: Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-4-2023 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 17/2023/TBXX ngày 05-5-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Ông Âu Ngọc Q, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Âu Ngọc Q1, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Bà và ông Âu Ngọc Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà và ông Q sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Q thường uống rượu và có hành vi đánh, chửi, đe dọa bà. Mâu thuẫn giữa bà và ông Q đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Bà xác định tình cảm với ông Q đã hết bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q có hai con chung là Âu Ngọc Q1, sinh ngày 21-7-1994 và Âu Thế Tr, sinh ngày 10-9-2005. Anh Q1 tuy đã trưởng thành nhưng bị tai nạn giao thông nên không có khả năng lao động. Ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung : Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Âu Ngọc Q trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông và bà T có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nhưng ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có hai con chung là Âu Ngọc Q1, sinh ngày 21-7-1994 và Âu Thế Tr, sinh ngày 10-9-2005. Anh Q1 tuy đã trưởng thành nhưng bị tai nạn giao thông nên không có khả năng lao động, hàng tháng được hưởng trợ cấp xã hội. Nếu ly hôn ông đề nghị bà T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Âu Ngọc Q1 trình bày:

Năm 2010, anh bị tai nạn giao thông nên tay phải và chân bị thương tật nặng, hiện tại đi lại gặp khó khăn và không có khả năng lao động. Bố anh là ông Âu Ngọc Q và mẹ anh là bà Hoàng Thị T sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông Q và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Q thường xuyên uống rượu và chửi, đe dọa bà T. Nếu ông Q và bà T ly hôn anh có nguyện vọng được cùng mẹ vị hiện tại anh không có khả năng lao động và cần người chăm sóc.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ

nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị T và ông Âu Ngọc Q

+ Về con chung: Giao con chung là Âu Thê Tr, sinh ngày 10-9-2005 cho bà Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Giao con chung là Âu Ngọc Q1, sinh ngày 21-7-1994 cho bà Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi có sự thay đổi.

Ông Âu Ngọc Q không phải cấp dưỡng nuôi con

+ Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Không công nhận quan hệ vợ, chồng và tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn anh Âu Ngọc Q có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, bà T, anh Q1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Q được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T và ông Âu Ngọc Q tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung bà T và ông Q thường xảy ra mâu thuẫn do ông Q thường xuyên uống rượu và có hành vi chửi, đe dọa bà T. Bà T xác định tình cảm vợ chồng đã hết và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Q, ông Q xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không Đồng ý ly hôn.

Quan xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xét thấy: bà T và ông Q chung sống như vợ chồng từ năm 1994 đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của bà T và ông Q không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Q.

[3] Về con chung: Bà T và ông Q có hai con chung là Âu Ngọc Q1, sinh ngày 21-7-1994 và Âu Thế Tr, sinh ngày 10-9-2005. Cháu Âu Thế Tr chưa thành niên, anh là Âu Ngọc Q1 tuy đã thành niên nhưng bị thương tật do tai nạn giao thông, không có khả năng lao động, không có tài sản để nuôi bản thân nên vẫn phải cần có người chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy, Nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của bà T là phù hợp với quyền và nghĩa vụ của mẹ đối với con được quy định trong luật Hôn nhân và gia đình cũng như phù hợp với nguyện vọng của các con. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích và nguyện vọng của các con nên giao hai con cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 14, Điều 15, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị T và ông Âu Ngọc Q.

2. Về con chung: Giao con chung là Âu Thế Tr, sinh ngày 10-9-2005 cho bà Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Giao con chung là Âu Ngọc Q1, sinh ngày 21-7-1994 cho bà Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi khi có sự thay đổi.

Ông Âu Ngọc Q không phải cấp dưỡng nuôi con

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0003397 ngày 22-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Bà T đã nộp đủ tiền án phí

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- UBND tt. Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thao

